

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét*



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo Kết quả Công tác Soát xét	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 – 38
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	05 – 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	08
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	09 – 10
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 – 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn HAPACO”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

TẬP ĐOÀN HAPACO

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 08/08/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tập đoàn HAPACO trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thanh Yên	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tập đoàn HAPACO.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Tập đoàn HAPACO.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TS. Vũ Dương Hiền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Vũ Xuân Cường.

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc



Số : *AAS/2012/BC.KTTC-AASC.KT5*

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 25 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn HAPACO và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		306.484.013.811	303.196.331.044
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.392.430.500	26.279.181.892
111	1. Tiền		18.992.430.500	15.915.181.892
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.400.000.000	10.364.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.303.096.117	420.481.517
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11.169.666.841	1.269.666.841
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(866.570.724)	(849.185.324)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.625.598.969	187.107.302.775
131	1. Phải thu khách hàng		39.192.176.133	25.913.469.434
132	2. Trả trước cho người bán		12.061.585.962	12.652.466.053
135	4. Các khoản phải thu khác	5	127.845.000.475	152.341.334.480
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(4.473.163.601)	(3.799.967.192)
140	IV. Hàng tồn kho	6	83.261.207.719	79.987.602.175
141	1. Hàng tồn kho		83.261.207.719	79.987.602.175
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.901.680.506	9.401.762.685
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		698.034.259	531.033.866
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.168.996.165	5.025.986.067
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		48.227.852	120.247.849
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.986.422.230	3.724.494.903

11105-C
 CÔNG TY
 NHIỆM VỤ
 CHÍNH KẾ T
 KIỂM T
 AN KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		390.663.436.190	384.475.421.048
220	I. Tài sản cố định		241.844.922.120	235.509.109.336
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	126.953.501.152	140.392.743.110
222	- Nguyên giá		223.524.274.150	230.179.876.538
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(96.570.772.998)	(89.787.133.428)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	1.607.759.876	-
225	- Nguyên giá		1.635.200.000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.440.124)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	5.329.571.189	5.510.823.574
228	- Nguyên giá		7.132.094.928	7.132.094.928
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.802.523.739)	(1.621.271.354)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	107.954.089.903	89.605.542.652
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	137.979.704.319	137.518.702.595
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		120.915.605.596	117.262.483.123
258	2. Đầu tư dài hạn khác		26.737.751.523	26.212.251.523
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.673.652.800)	(5.956.032.051)
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.099.199.671	2.790.952.317
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.774.064.821	2.790.952.317
268	2. Tài sản dài hạn khác		325.134.850	-
269	IV. Lợi thế thương mại	13	7.739.610.080	8.656.656.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		697.147.450.001	687.671.752.092


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		159.958.257.699	153.788.104.325
310	I. Nợ ngắn hạn		131.422.624.727	125.312.931.509
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	57.183.806.440	57.407.704.444
312	2. Phải trả người bán		27.967.362.727	22.859.092.957
313	3. Người mua trả tiền trước		1.822.198.907	3.294.809.702
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.617.448.644	5.941.525.486
315	5. Phải trả người lao động		3.221.595.874	3.661.623.929
316	6. Chi phí phải trả	16	3.456.521.400	4.981.958.701
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	30.849.720.906	28.815.496.461
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.696.030.171)	(1.649.280.171)
330	II. Nợ dài hạn		28.535.632.972	28.475.172.816
333	1. Phải trả dài hạn khác		217.900.000	250.900.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	18	27.648.097.456	27.418.224.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		669.635.516	676.048.816
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	130.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		533.608.089.376	529.657.735.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	533.608.089.376	529.657.735.857
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		280.752.610.000	244.362.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		168.200.434.219	204.590.754.219
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	169.374.186
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		60.153.508.593	60.153.508.593
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		6.616.551.635	6.616.551.635
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.547.920.472	18.428.192.767
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	26	3.581.102.926	4.225.911.910
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		697.147.450.001	687.671.752.092


Trương Bá Minh
Kế toán trưởng




Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	181.692.863.351	194.473.769.633
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		993.180.932	703.402.432
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.699.682.419	193.770.367.201
11	4. Giá vốn hàng bán	21	155.807.439.990	164.195.357.623
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.892.242.429	29.575.009.578
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.266.709.207	8.929.832.177
22	7. Chi phí tài chính	23	7.944.475.351	7.853.240.250
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.088.825.065	2.424.112.259
24	8. Chi phí bán hàng		8.636.037.510	7.364.499.392
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.440.855.162	16.622.969.261
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.862.416.387)	6.664.132.852
31	11. Thu nhập khác		11.392.671.015	1.175.588.018
32	12. Chi phí khác		2.461.047.859	911.220.908
40	13. Lợi nhuận khác	24	8.931.623.156	264.367.110
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	1.653.122.473	(2.594.550.901)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.722.329.242	4.333.949.061
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.134.310.522	2.566.615.522
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.588.018.720	1.767.333.539
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	26	(644.808.985)	1.762.424.612
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		4.232.827.705	4.908.927
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	151,61	0,27

Trương Bá Minh

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.722.329.242	4.333.949.061
	2. Điều chỉnh cho các khoản		16.140.993.880	7.751.271.764
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.782.914.619	8.529.497.949
03	- Các khoản dự phòng		4.408.202.558	2.262.125.558
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.138.948.362)	(5.464.464.002)
06	- Chi phí lãi vay		4.088.825.065	2.424.112.259
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.863.323.122	12.085.220.825
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		13.351.953.571	(656.488.590)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(3.273.605.544)	(6.006.129.549)
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		8.258.536.924	11.091.581.808
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(150.112.897)	(290.393.442)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(4.321.482.650)	(1.989.525.021)
14	- Thuế TNDN đã nộp		(1.525.835.965)	(3.228.032.078)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.733.744.025	7.602.414.535
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.087.012.474)	(25.467.011.945)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.849.508.112	(6.858.363.457)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(20.164.615.761)	(16.972.483.959)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		2.374.964.076	289.354.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.096.500.000)	(1.483.400.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		196.500.000	7.793.955.506
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.450.000.000)	(17.600.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	18.704.641.257
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		400.911.055	3.903.892.623
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(29.738.740.630)	(5.364.039.755)

105-C
CÔNG TY
HÀNG HỒI
TỔNG
KẾ TOÁN
HÀNG TOÁN
HÀNG-T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		69.289.424.841	11.855.357.180
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(69.283.449.389)	(9.354.553.351)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.975.452	2.500.803.829
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.116.742.934	(9.721.599.383)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.279.181.892	26.609.364.009
61	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.494.326)	262.618.472
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	31.392.430.500	17.150.383.098



Trương Bá Minh
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 08/08/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO được đặt tại: Tầng 5 + 6 Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phiếu). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 30/06/2012 là 280.752.610.000 đồng (tương đương 28.075.261 cổ phiếu).

Tập đoàn HAPACO có đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần HAPACO – CN Hà Nội	Số 478 Minh Khai - Thành phố Hà Nội
Nhà máy Giấy Hải Phòng	Đại Bản - An Dương - Thành phố Hải Phòng

Theo Quyết định số 97 ngày 01/04/2010 và Quyết định số 98 ngày 30/06/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tập đoàn HAPACO quyết định giải thể hai Chi nhánh nêu trên và đang thực hiện các thủ tục giải thể tại thời điểm 30/06/2012.

Thông tin về các Công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu ⁽¹⁾	100%	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn ⁽²⁾	100%	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc ⁽³⁾	100%	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà ⁽⁴⁾	61,54%	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P ⁽⁵⁾	100%	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông ⁽⁶⁾	100%	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng ⁽⁷⁾	99,84%	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Thông tin về các Công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO ⁽⁸⁾	35%	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng ⁽⁹⁾	30%	Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3c Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

001111
CÔNG
TÁC NHIỆM
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH KẾ
KIỂM T
DÀN KIỂM

Khái quát chung về các công ty con của Tập đoàn HAPACO:

(1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 03 năm 2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất bao bì bằng gỗ; In ấn (bao gồm in giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa).

Vốn điều lệ của Công ty là 32.894.800.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 441A Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11 tháng 06 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 06 năm 2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu); Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa oto và xe có động cơ khác; Giáo dục mầm non; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn (Chi tiết: In giấy vàng mã xuất khẩu); Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Số vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Công ty có trụ sở chính tại số nhà 826, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(3) Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03 tháng 07 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch.

(4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18 tháng 10 năm 2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Nam Quang, xã Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 30/06/2012 là 13 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật doanh nghiệp.



- (5) Công ty cổ phần HAPACO H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Km 17 Quốc lộ 5, thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 30/06/2012 là 155.630.855.217 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

- (6) Công ty TNHH Hapaco Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010 với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 9 đường Cầu Bình, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hapaco về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH HAPACO Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH HAPACO Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- (7) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lưu hành nội địa.

Trụ sở chính Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Khái quát chung về các công ty liên kết của Công ty:

- (8) Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 10 năm 2011, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính; Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 135 đường Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

00111
CÔNG
TỊCH NHIỆM
CH VỤ
CHÍNH KẾ
KIỂM T
TAN KIỂM

Tại thời điểm 30/06/2012, Tập đoàn HAPACO nắm giữ 35% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO.

- (9) Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 03 năm 2008, cấp lại lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3c Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng đang trong giai đoạn đầu tư và chưa có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào trong năm 2012.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN HAPACO

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn HAPACO áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO và báo cáo tài chính của các công ty con do Tập đoàn HAPACO kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Tập đoàn HAPACO có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn HAPACO. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn HAPACO và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn HAPACO và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 30/06/2012	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	32.894.800.000	26.169.600.000	26.169.600.000	100 %
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	100 %
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	5.523.855.039	5.523.855.039	100 %
Công ty Cổ phần Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,54 %
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100 %
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931	10.984.455.931	100 %
Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,84 %

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty TNHH Kinh doanh TM và Xuất nhập khẩu HAPACO – Hà Nội, Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng, Công ty TNHH Thương mại Đại Việt đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa lập báo cáo tài chính nên không thực hiện hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn HAPACO có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn HAPACO. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 30/06/2012	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	100.000.000.000	100.000.000.000	35.000.000.000	35 %

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dược Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO cho Công ty này vay 9,73 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dược Tiên Sa trong năm 2011. Tuy nhiên, theo Ban Tổng giám đốc, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đông Dược Tiên Sa do thị trường không thuận lợi nên chưa tìm được đối tác phù hợp. Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đông Dược Tiên Sa trong năm 2012 với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá trị đã đầu tư của HAPACO và HAFINCO. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dược Tiên Sa không được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng đang trong giai đoạn đầu tư và chưa lập Báo cáo tài chính nên khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Tập đoàn HAPACO cam kết rằng chênh lệch do việc điều chỉnh từ phương pháp vốn chủ sở hữu và Phương pháp giá gốc khoản đầu tư tại công ty liên kết trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO.

2.5. Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tập đoàn HAPACO trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất lợi thương mại phát sinh tại thời điểm hoán đổi cổ phiếu của Công ty TNHH HAPACO Hải Âu và Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn để tăng tỷ lệ vốn góp được ghi nhận vào Thu nhập khác trong năm 2011 là 5,04 tỷ đồng.

1105-C
CÔNG TY
HIỆM HỮU
VỤ TƯ
LIÊN KẾT
KIỂM TO

VKIỂM

2.8. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.9. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 năm

2.13. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn HAPACO phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tập đoàn HAPACO không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn HAPACO và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tập đoàn HAPACO sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO.

Theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-HAP ngày 15/04/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Tập đoàn HAPACO về việc thông qua chia thưởng cổ phiếu 15%. Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 08/05/2012 Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO triển khai phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu năm 2012 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 với tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành cổ phiếu thưởng phát hành trong năm là 36.390.320.000 đồng (tương đương 3.639.032 cổ phiếu).

2.18. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn HAPACO hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn HAPACO (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.19. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn HAPACO không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn HAPACO đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn HAPACO được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	582.637.477	11.537.677.211
Tiền gửi ngân hàng	18.409.793.023	4.198.504.681
Tiền đang chuyển	-	179.000.000
Các khoản tương đương tiền	12.400.000.000	10.364.000.000
	<u>31.392.430.500</u>	<u>26.279.181.892</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	1.070.584.924	1.070.584.924
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽²⁾	10.099.081.917	199.081.917
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(866.570.724)	(849.185.324)
	<u>10.303.096.117</u>	<u>420.481.517</u>

⁽¹⁾ Chứng khoán đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2012:

Chi tiết	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	1.070.584.924	1.070.584.924
	<u>1.070.584.924</u>	<u>1.070.584.924</u>
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn</i>	<i>(866.570.724)</i>	<i>(849.185.324)</i>
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>204.014.200</u>	<u>221.399.600</u>

⁽²⁾ Các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội	8.000.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 vay	2.000.000.000	-
Cho vay cá nhân	99.081.917	199.081.917
	<u>10.099.081.917</u>	<u>199.081.917</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu tiền BHXH, BHYT	36.898.867	42.307.537
Phải thu khác (*)	127.808.101.608	152.299.026.943
	<u>127.845.000.475</u>	<u>152.341.334.480</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty CBLSTP Hà Giang	1.028.804.852	1.028.804.852
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	200.000.000
Công ty Cổ phần TMDV XNK Hải Đăng	1.494.795.567	1.493.419.257
Phải thu Công ty Cổ phần TM-XNK Hà Nội	599.821.731	1.090.332.381
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	37.354.497.970	36.763.377.970
Phụ cấp phải thu Hội đồng quản trị	3.911.051.300	3.911.051.300
Dự thu lãi tiền gửi	1.809.924.399	1.092.720.110
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	6.515.126.459	15.893.776.459
Phải thu chuyển nhượng vốn HAFINCO	46.966.360.000	65.000.000.000
Phải thu khác về tiền chi hộ công ty Văn Bàn - Lào Cai	500.000.000	500.000.000
Phải thu của cá nhân	19.941.596.157	19.963.982.548
Phải thu khác	7.686.123.173	5.361.562.066
	<u>127.808.101.608</u>	<u>152.299.026.943</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	78.790.241	91.312.650
Nguyên liệu, vật liệu	19.974.414.456	20.650.883.122
Công cụ, dụng cụ	1.486.039.408	2.268.308.380
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.354.090.806	7.318.452.027
Thành phẩm	41.266.169.392	38.834.299.592
Hàng hoá	35.181.376	322.118.103
Hàng gửi đi bán	9.066.522.040	10.502.228.301
	<u>83.261.207.719</u>	<u>79.987.602.175</u>

001
 CÔNG
 TÁC NI
 TỊCH V
 CHÍN
 KIẾ
 AN KI

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu kỳ	68.014.541.116	142.239.183.797	17.086.539.671	1.257.454.251	1.582.157.703	230.179.876.538
Số tăng trong kỳ	16.785.796	1.791.918.510	-	31.150.000	-	1.839.854.306
- Mua trong kỳ	-	1.756.616.855	-	31.150.000	-	1.787.766.855
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	28.301.655	-	-	-	28.301.655
- Tăng khác	16.785.796	7.000.000	-	-	-	23.785.796
Số giảm trong kỳ	(1.687.933.494)	(6.501.960.264)	(17.976.363)	-	(287.586.573)	(8.495.456.694)
- Góp vốn vào đầu tư dài hạn	(1.585.553.521)	(2.187.669.246)	(17.976.363)	-	(287.586.573)	(4.078.785.703)
- Thanh lý, nhượng bán	(102.379.973)	(4.314.291.018)	-	-	-	(4.416.670.991)
Số dư cuối kỳ	66.343.393.418	137.529.142.043	17.068.563.308	1.288.604.251	1.294.571.130	223.524.274.150
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu kỳ	27.910.239.544	52.971.075.067	6.836.771.572	983.797.540	1.085.249.705	89.787.133.428
Số tăng trong kỳ	2.162.584.976	5.075.255.717	1.219.276.917	63.221.572	53.882.928	8.574.222.110
- Khấu hao trong kỳ	2.162.584.976	5.075.255.717	1.219.276.917	63.221.572	53.882.928	8.574.222.110
Số giảm trong kỳ	(219.668.198)	(1.529.473.730)	(1.498.032)	-	(39.942.580)	(1.790.582.540)
- Góp vốn vào đầu tư dài hạn	(204.635.810)	(261.866.715)	(1.498.032)	-	(39.942.580)	(507.943.137)
- Thanh lý, nhượng bán	(15.032.388)	(1.267.607.015)	-	-	-	(1.282.639.403)
Số dư cuối kỳ	29.853.156.322	56.516.857.054	8.054.550.457	1.047.019.112	1.099.190.053	96.570.772.998
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	40.104.301.572	89.268.108.730	10.249.768.099	273.656.711	496.907.998	140.392.743.110
Tại ngày cuối kỳ	36.490.237.096	81.012.284.989	9.014.012.851	241.585.139	195.381.077	126.953.501.152

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ		-
Số tăng trong kỳ	1.635.200.000	1.635.200.000
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số dư cuối kỳ	1.635.200.000	1.635.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	27.440.124	27.440.124
- Khấu hao trong kỳ	27.440.124	27.440.124
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	27.440.124	27.440.124
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	1.607.759.876	1.607.759.876

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.845.229.650	15.000.000	1.271.865.278	7.132.094.928
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.845.229.650	15.000.000	1.271.865.278	7.132.094.928
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.315.176.694	12.500.000	293.594.660	1.621.271.354
Khấu hao trong kỳ	146.130.744	2.500.000	32.621.641	181.252.385
- Khấu hao trong kỳ	146.130.744	2.500.000	32.621.641	181.252.385
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.461.307.438	15.000.000	326.216.301	1.802.523.739
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	4.530.052.956	2.500.000	978.270.618	5.510.823.574
Tại ngày cuối kỳ	4.383.922.212	-	945.648.977	5.329.571.189

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	107.885.711.721	89.491.470.998
Dự án Nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ	8.412.508.611	8.412.508.611
Dự án Nhà máy giấy Hải Hà (GD II)	3.116.844.595	3.116.844.595
Dự án Khu công nghiệp Trảng Cát	5.050.782.919	5.050.782.919
Dự án Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	84.007.852.970	71.974.329.872
Xây dựng xưởng sản xuất giấy	6.199.197.728	-
Nhà vệ sinh, nhà cân	35.287.599	-
Cải tạo máy sấy 2+4	31.026.602	-
Cải tạo máy sấy 5+6	180.217.263	-
Lắp đặt máy xeo giấy	19.951.738	-
Dự án hệ thống xử lý nước thải tại XN Văn Yên	93.500.000	93.500.000
Dự án xây trường mầm non tại Yên Bái	30.000.000	-
Mở rộng xí nghiệp xuất khẩu tại Yên Bái	164.811.695	-
Dự án nhà máy nghiền Cacbonat Canxi	358.700.001	358.700.001
Dự án thủy điện Phiên Côn	100.000.000	100.000.000
Chi phí XD khu xử lý nước thải	85.030.000	85.030.000
Máy nghiền đá	-	299.775.000
Mua sắm tài sản cố định	-	10.405.873
Chi phí sửa chữa lớn	68.378.182	103.665.781
Chi phí XDCB dở dang khác	-	-
	<u>107.954.089.903</u>	<u>89.605.542.652</u>

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (1)	120.915.605.596	117.262.483.123
Đầu tư dài hạn khác (2)	26.737.751.523	26.212.251.523
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.673.652.800)	(5.956.032.051)
	<u>137.979.704.319</u>	<u>137.518.702.595</u>

(1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	31.170.101.092	29.516.978.619
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng	89.745.504.504	87.745.504.504
	<u>120.915.605.596</u>	<u>117.262.483.123</u>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HAP ngày 31/07/2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu để giảm tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn HAPACO từ 35% xuống 15% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO trong thời gian 12 tháng tới.

(2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	350.000.000	350.000.000
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
Công ty Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần An Bình Vân Yên	450.000.000	-
Cho cá nhân vay	313.500.000	238.000.000
	<u><u>26.737.751.523</u></u>	<u><u>26.212.251.523</u></u>

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	30%	30%	Khai thác cát, đá, sỏi; Kinh doanh xăng dầu,
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Hải Phòng	35%	35%	Đầu tư tài chính

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	911.042.009	1.192.469.971
Giá trị còn lại Công cụ dụng cụ xuất dùng	490.432.436	448.222.764
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	895.248.882	964.301.710
Chi phí trả trước dài hạn khác	477.341.494	185.957.872
	<u><u>2.774.064.821</u></u>	<u><u>2.790.952.317</u></u>

13. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên giá:		
- Số dư đầu kỳ	18.340.934.400	19.350.890.400
- Tăng trong kỳ	-	-
- Giảm trong kỳ	-	(1.009.956.000)
- Số dư cuối kỳ	18.340.934.400	18.340.934.400
Số đã phân bổ		
- Số đầu kỳ	9.684.277.600	7.850.184.160
- Số phân bổ trong kỳ	917.046.720	1.834.093.440
- Số dư cuối kỳ	10.601.324.320	9.684.277.600
Giá trị còn lại		
- Số đầu kỳ	8.656.656.800	11.500.706.240
- Số cuối kỳ	7.739.610.080	8.656.656.800
	<u><u>7.739.610.080</u></u>	<u><u>8.656.656.800</u></u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	57.183.806.440	57.407.704.444
- Vay ngân hàng ⁽¹⁾	54.483.806.440	49.707.704.444
- Vay ngắn hạn khác ⁽²⁾	2.700.000.000	7.700.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	-
	<u>57.183.806.440</u>	<u>57.407.704.444</u>

⁽¹⁾ Chi tiết khoản vay ngân hàng tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng	21.323.271.857	23.107.591.984
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	1.960.313.690	23.705.499.504
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	31.200.220.893	2.894.612.956
	<u>54.483.806.440</u>	<u>49.707.704.444</u>

⁽²⁾ Chi tiết khoản vay ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	4.400.000.000
Vay cá nhân	2.000.000.000	2.600.000.000
	<u>2.700.000.000</u>	<u>7.700.000.000</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.987.907.454	337.941.817
Thuế xuất, nhập khẩu	7.162.749	35.775.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.972.368.799	4.251.872.195
Thuế thu nhập cá nhân	276.107.923	263.162.640
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.052.640.000	777.160.000
Các loại thuế khác	275.612.862	229.964.005
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	45.648.857	45.648.857
	<u>8.617.448.644</u>	<u>5.941.525.486</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	2.567.401.647	2.800.059.232
Chi phí tiền lương, ăn ca, tiền lễ, tiền phép trích trước	514.650.081	1.205.058.160
Chi phí tiền điện, nước, chi phí vận chuyển	210.710.672	115.493.309
Trích trước chi phí thực hiện hợp đồng	162.342.000	224.931.000
Chi phí phải trả khác	1.417.000	636.417.000
	<u>3.456.521.400</u>	<u>4.981.958.701</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	239.337.290	239.337.290
Kinh phí công đoàn	452.467.225	423.756.945
Bảo hiểm xã hội	352.889.139	127.355.467
Bảo hiểm y tế	38.821.935	12.692.682
Phải trả về cổ phần hóa	589.426.901	589.426.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	29.176.778.416	27.422.927.176
	<u>30.849.720.906</u>	<u>28.815.496.461</u>

(*) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	14.142.139.478	13.632.539.478
Phải trả khác của chi nhánh Hapaco tại Hà Nội	644.562.224	644.562.224
Phải trả cổ tức cho cổ đông tại các công ty con	750.390.000	750.390.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	2.439.922.000	2.439.922.000
Tiền xăng xe Trung tâm Taxi	99.031.493	124.393.590
Phải trả công nợ cá nhân	10.466.034.293	8.911.000.000
Thuế Thu nhập cá nhân	70.000.000	70.000.000
Phải trả, phải nộp khác	564.698.928	850.119.884
	<u>29.176.778.416</u>	<u>27.422.927.176</u>

18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	26.001.690.000	27.418.224.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng	26.001.690.000	26.001.690.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	-	1.416.534.000
Nợ dài hạn	1.646.407.456	-
- Thuê tài chính	1.646.407.456	-
	<u>27.648.097.456</u>	<u>27.418.224.000</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu kỳ trước	244.362.290.000	204.590.754.219	169.374.186	(4.662.935.543)	60.153.508.593	6.616.551.635	18.428.192.767
Phát hành cổ phiếu thưởng	36.390.320.000	(36.390.320.000)	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	4.232.827.705
Tặng khác	-	-	11.898.005	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(113.100.000)
Giảm khác	-	-	(181.272.191)	-	-	-	-
Số dư cuối năm này	280.752.610.000	168.200.434.219	-	(4.662.935.543)	60.153.508.593	6.616.551.635	22.547.920.472

Theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-HAP ngày 15/04/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Tập đoàn HAPACO về việc thông qua chia thưởng cổ phiếu 15%. Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 08/05/2012 Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO triển khai phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu năm 2012 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 với tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành cổ phiếu thưởng phát hành trong năm là 36.390.320.000 đồng (tương đương 3.639.032 cổ phiếu).



b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Từ 01/01/2012 đến
30/06/2012

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.752.610.000
Vốn góp đầu kỳ	244.362.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	36.390.320.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	280.752.610.000

c) Cổ phiếu

30/06/2012

VND

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.075.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.075.261
- Cổ phiếu phổ thông	28.075.261
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.919.791
- Cổ phiếu phổ thông	27.919.791
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000 VND/CP

d) Các quỹ của Tập đoàn HAPACO

30/06/2012

VND

01/01/2012

VND

Quỹ đầu tư phát triển	60.153.508.593	60.153.508.593
Quỹ dự phòng tài chính	6.616.551.635	6.616.551.635
	66.770.060.228	66.770.060.228

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Từ 01/01/2012 đến

30/06/2012

VND

Từ 01/01/2011 đến

30/06/2011

VND

Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	179.423.247.892	190.759.777.761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.269.615.459	3.713.991.872
	181.692.863.351	194.473.769.633

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ 01/01/2012 đến

30/06/2012

VND

Từ 01/01/2011 đến

30/06/2011

VND

Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	153.780.809.886	160.913.509.900
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.026.630.104	3.281.847.723
	155.807.439.990	164.195.357.623

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.018.733.959	6.495.713.903
Lãi đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	100.625.000	-
Cổ tức, hoạt động ủy thác đầu tư và lãi đầu tư cổ phiếu	-	46.324.500
Lãi bán ngoại tệ	-	124.629.161
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.761.956	2.008.805.390
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.588.292	254.359.223
	1.266.709.207	8.929.832.177

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.088.825.065	2.424.112.259
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.243.615	1.098.210.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.400.522	2.200.842.949
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.735.006.149	2.130.075.040
	7.944.475.351	7.853.240.250

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Thu nhập khác	11.392.671.015
Thu nhập từ thanh lý tài sản	2.374.964.076
Thu nhập khác	9.017.706.939
Chi phí khác	2.461.047.859
Chi phí từ thanh lý tài sản	2.354.131.058
Chi phí khác	106.916.801
	8.931.623.156

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	2.134.310.522	2.566.615.522
	2.134.310.522	2.566.615.522

(*) Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại theo từng đơn vị tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	1.863.610.446	1.109.478.984
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	156.693.537	511.269.313
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	114.006.539	110.072.074
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	-	835.795.151
	<u>2.134.310.522</u>	<u>2.566.615.522</u>

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Chi tiết	Tỷ lệ	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận cổ đông thiểu số	Lợi ích cổ đông thiểu số
Công ty Cổ phần Hải Hà	38,46%	13.000.000.000	(643.713.900)	3.578.369.502
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	0,16%	6.132.000.000	(1.095.085)	2.733.424
Cộng			<u>(644.808.985)</u>	<u>3.581.102.926</u>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.232.827.705	4.908.927
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ - Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.232.827.705	4.908.927
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.919.791	18.496.208
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>151,61</u>	<u>0,27</u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.392.430.500	-	26.279.181.892	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	167.037.176.608	(4.473.163.601)	178.254.803.914	(3.799.967.192)
Các khoản cho vay	10.099.081.917	-	199.081.917	-
Đầu tư ngắn hạn	1.070.584.924	(866.570.724)	1.070.584.924	(849.185.324)
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	209.599.273.949	(5.339.734.325)	205.803.652.647	(4.649.152.516)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	84.831.903.896	84.825.928.444
Phải trả người bán, phải trả khác	58.817.083.633	51.674.589.418
Chi phí phải trả	3.456.521.400	4.981.958.701
	147.105.508.929	141.482.476.563

Tập đoàn HAPACO chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tập đoàn HAPACO chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

0117
CÔNG
CH HỮU
CH VL
CHÍNH
KIỂM
4/1/12

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	57.183.806.440	-	27.648.097.456	84.831.903.896
Phải trả người bán, phải trả khác	58.817.083.633	-	-	58.817.083.633
Chi phí phải trả	3.456.521.400	-	-	3.456.521.400
	119.457.411.473	-	27.648.097.456	147.105.508.929
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	57.407.704.444	-	27.418.224.000	84.825.928.444
Phải trả người bán, phải trả khác	51.674.589.418	-	-	51.674.589.418
Chi phí phải trả	4.981.958.701	-	-	4.981.958.701
	114.064.252.563	-	27.418.224.000	141.482.476.563

Tập đoàn HAPACO cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn HAPACO có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

05-C
TY
CHỨ
TỬ V
Ế TOÁN
TOÁN
4-TP

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo khu vực địa lý:

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Tổng cộng các bộ phận
	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	163.577.879.452	31.144.341.803	25.133.526.500	14.110.896.000	233.966.643.755
Doanh thu giữa các bộ phận	(18.641.221.550)	(3.120.397.036)	(21.503.925.500)	(10.001.417.250)	(53.266.961.336)
Cộng	144.936.657.902	28.023.944.767	3.629.601.000	4.109.478.750	180.699.682.419
Kết quả hoạt động kinh doanh	131.366.545	1.061.079.079	2.248.355.773	(1.625.451.640)	1.815.349.757
Doanh thu hoạt động tài chính	1.126.311.487	129.797.220	6.355.000	4.245.500	1.266.709.207
Chi phí tài chính	(7.830.025.825)	(114.449.526)	-	-	(7.944.475.351)
Thu nhập khác	11.374.621.015	17.500.000	-	550.000	11.392.671.015
Chi phí khác	(2.405.216.471)	(2.831.388)	-	(53.000.000)	(2.461.047.859)
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	1.653.122.473
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.863.610.446)	(156.693.537)	(114.006.539)	-	(2.134.310.522)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	3.588.018.720
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(644.808.985)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	-	-	-	-	4.232.827.705
Tài sản bộ phận	639.235.072.808	28.207.945.907	13.089.923.716	16.614.507.570	697.147.450.001
Tổng tài sản	-	-	-	-	-
Nợ phải trả của các bộ phận	143.188.275.237	5.845.330.798	3.613.904.800	7.310.746.864	159.958.257.699
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-

Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh

	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động đầu tư	Tổng cộng các bộ phận
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	180.699.682.419	-	180.699.682.419
Tài sản bộ phận	697.147.450.001	-	697.147.450.001



30. THÔNG TIN KHÁC

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dục Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO (công ty liên kết của Tập đoàn HAPACO) cho Công ty này vay 9,73 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dục Tiên Sa trong năm 2011. Tuy nhiên, theo Ban Tổng Giám đốc, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đông dục Tiên Sa do thị trường không thuận lợi nên chưa tìm được đối tác phù hợp. Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đông dục Tiên Sa trong năm 2012 với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá trị đã đầu tư của HAPACO và HAFINCO.

Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn HAPACO được miễn giảm từ năm 1999 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn HAPACO là 500.002.510.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2012, Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp là 280.752.610.000 đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty TNHH Kinh doanh TM và Xuất nhập khẩu Hapaco – Hà Nội, Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng, Công ty TNHH Thương mại Đại Việt đang trong giai đoạn đầu tư hoặc chưa góp vốn nên chưa lập báo cáo tài chính nên không thực hiện hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng chưa lập Báo cáo tài chính nên khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng chênh lệch do việc điều chỉnh từ phương pháp giá gốc sang phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư tại hai công ty liên kết không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn vì công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư.

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 15/11/2011, Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng 65% giá trị vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư tài chính HAPACO. Sau khi chuyển nhượng, Công ty TNHH Đầu tư tài chính HAPACO chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO. Tập đoàn HAPACO nắm giữ 35% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO. Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO là Công ty liên kết của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm chuyển nhượng góp vốn.



Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư như sau:

Công ty nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Cam kết góp vốn	Vốn thực góp đến 30/06/2012	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kinh doanh TM và XNK HAPACO - Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng	120.000.000.000	61.200.000.000	-	51,0%
Công ty TNHH Thương mại Đài Việt	14.450.000.000	14.450.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	500.000.000.000	150.000.000.000	89.745.504.504	30,0%
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	13.400.000.000	5.523.855.039	29,8%
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	120.432.000.000	155.630.855.217	129,2%
Công ty Cổ phần Phương Đông	30.000.000.000	29.960.000.000	10.984.455.931	36,7%
Cộng	421.450.000.000	303.842.000.000	261.884.670.691	

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2012:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Phải thu		
- Ông Nguyễn Đức Hậu ⁽¹⁾	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	11.013.043.935
Phải trả		
- Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	10.466.034.293
Vay ngắn hạn		
- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	2.000.000.000

⁽¹⁾ Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO số 10052010 ngày 10/05/2010 cho Ông Nguyễn Đức Hậu, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc thì Tập đoàn thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO kể từ ngày 30/04/2010, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần tương đương 21 tỷ đồng, đã trả 12 tỷ đồng và công nợ phải trả sẽ trả dần đến 31/12/2012.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.



Trương Bá Minh
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

